

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07/10/2020

Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HOÀ BÌNH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quốc Trung và bà Ngô Thị Như Hoa.

Thư ký tòa án ghi biên bản: Bà Nguyễn Thúy Hằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Công – Kiểm sát viên.

Ngày 07/10/2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự :

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H** – Sinh năm 1976. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

- Bị đơn: Chị **Đào Thị T (tên gọi khác: H1)** – Sinh năm 1972. (Vắng mặt tại phiên tòa))

Nơi ĐKKHKT: Tổ X, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình

Chỗ ở: Tổ B, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và chị Đào Thị T (tên thường gọi là H1) ở gần nhà nhau, do tin tưởng nên chị H đã cho chị Thu (H1) vay hai lần với tổng số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), cụ thể: Vào ngày 24/7/2017 cho vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 1,6%/tháng. Khi vay có viết giấy vay tiền và chị Thu ký tên, ghi rõ họ tên (tên thường gọi của chị Đào Thị T là H1 nên trên giấy vay tiền chị H1 đã ghi rõ tên là Đào Thị T H1).

Vào ngày 28/7/2017 chị Thu (H1) vay tiếp số tiền 10 triệu, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng với nhau là 1,5%/tháng. Khi vay có viết giấy vay tiền và ký tên.

Thời gian sau chị H yêu cầu nhiều lần nhưng chị Thu không trả khoản nợ gốc và lãi nào. Nay phía chị H đề nghị Tòa buộc chị Đào Thị T (H1) thanh toán toàn bộ khoản tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và không yêu cầu pH1 trả lãi.

Quá trình giải quyết vụ án tại các bản tự khai và buổi hòa giải tại Tòa, bị đơn chị Đào Thị T (H1) trình bày:

Chị và chị H có mối quan hệ quen biết, do cần tiền để mở hàng ăn sáng nên vào ngày 24/7/2017 chị có vay của chị H 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), đến ngày 28/7/2017 vay thêm chị H 10.000.000đ (mười triệu đồng), khi vay có viết giấy vay tiền – đúng như 02 giấy vay tiền mà chị H đã cung cấp cho Tòa, thời hạn vay là 1 tháng kể từ ngày vay, có thỏa thuận bằng miệng về lãi suất là 05%/tháng. Tên thật của chị là Đào Thị T, tuy nhiên tên thường gọi là H1 nên trên giấy vay tiền đã ký tên là Đào Thị T H1, xác nhận các chữ ký vay tiền là đúng chữ ký của chị. Tuy nhiên, chị đã trả cho chị H số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), chỉ còn nợ chị H 12.000.000đ (mười

hai triệu đồng), tuy nhiên do tin tưởng nhau nên không lập giấy tờ và không có ai chứng kiến việc chị trả tiền. Nay chị H yêu cầu chị pH1 trả toàn bộ số tiền đã vay chị không đồng ý, chỉ đồng ý trả 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên xin chị H sẽ trả sau.

Tòa án ra Quyết định yêu cầu phía bị đơn cung cấp chứng minh thư nhân dân và sổ hộ khẩu tuy nhiên phía chị Đào Thị T (H1) không cung cấp cho Tòa. Tòa đã tiến hành xác minh tại địa phương và được công an phường Tân Thịnh và công an phường Tân Hòa –Thành phố Hòa Bình xác nhận về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của chị Đào Thị T (H1) là đúng như phía nguyên đơn cung cấp, đồng thời xác định chị Đào Thị T có tên gọi khác là Đào Thị T H1.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Về nội dung vụ án : Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 BLDS 2015; Điều 147, 244 BLTTDS 2015, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 31/12/2016 của UBTVQH; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Phạm Thị H, buộc bị đơn là bà Đào Thị T H1 pH1 trả cho bà Phạm Thị H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Nguyên đơn không pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong Hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về tố tụng:

Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đều hợp pháp.

Chị Phạm Thị H khởi kiện vụ án tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hòa Bình. Về phạm vi khởi kiện: nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng vay vốn giữa hai bên, buộc bị đơn trả toàn bộ số nợ gốc theo giấy vay nợ đã ký kết, nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Tại phiên tòa lần thứ nhất diễn ra vào ngày 29/9/2020 phía bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử đã tiến hành hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập phiên tòa lần hai cho bị đơn chị Đào Thị T H1, nhưng vẫn có tình vắng mặt. Nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt phía chị Đào Thị T H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Do mối quan hệ quen biết, chị Đào Thị T H1 đã vay của chị Phạm Thị H 02 lần với tổng số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu đồng), cụ thể: ngày 24/7/2017 vay số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), ngày 28/7/2017 tiếp tục vay 10.000.000đ (mười triệu đồng). Cả hai lần vay này đều viết giấy vay nợ, trên giấy vay nợ không thể hiện lãi, chỉ thể hiện số tiền nợ gốc và có chữ ký của bên vay là chị Đào Thị T (H1). Sau đó, chị H có yêu cầu thanh toán khoản nợ trên nhiều lần nhưng chị Thu (H1) không thanh toán số nợ trên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đào Thị T (H1) thừa nhận đã vay chị Phạm Thị H 02 lần với tổng số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), tuy nhiên chị Thu (H1) cho rằng đã thanh toán cho chị H số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) số tiền gốc, nay chỉ còn nợ chị H 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), nhưng không có giấy tờ,

căn cứ chứng minh cho việc thanh toán và khi thanh toán chỉ có chị và chị H không có ai chứng kiến.

Như vậy, đủ cơ sở kết luận chị Đào Thị T (H1) có vay khoản vay 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) của chị Phạm Thị H, tuy nhiên không có căn cứ chứng minh việc chị Thu (H1) đã thanh toán số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng) cho chị H. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc chị Đào Thị T (H1) pH1 thanh toán toàn bộ số tiền 30.000.000 (ba mươi triệu đồng) cho chị Phạm Thị H.

Phía nguyên đơn không yêu cầu lãi đối với khoản tiền gốc 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn không pH1 chịu án phí; Bị đơn pH1 chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 144, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H đối với chị Đào Thị T (tên gọi khác: H1).

Buộc chị Đào Thị T (H1) pH1 thanh toán cho chị Phạm Thị H số tiền còn nợ là: 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên pH1 thi hành án còn pH1 chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH1 thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế

thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006869 ngày 16/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hòa Bình.

Chị Đào Thị T (H1) pH1 chịu 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả xét xử.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh HB;
- VKSND thành phố HB;
- Chi cục THADS thành phố HB;
- Đương sự;
- Lưu HS.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa